

Số: 966/QĐ-LTT-KHTC Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định thầu đơn vị cung cấp thuốc cho học sinh – sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-BLĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ vào khả năng cung cấp thuốc của các đơn vị có bảng báo giá cung cấp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chọn đơn vị Công ty TNHH Dược Thanh Thanh là đơn vị cung cấp thuốc cho học sinh sinh viên.

Địa chỉ: 37 Hoàng Bật Đạt, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục:

STT	TÊN THUỐC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	ALUMINIUM PHOSPHAT GEL	GÓI	200	2.639	527.800
2	AMOXICILIN	VIÊN	500	1.017	508.500
3	BERBERIN	VIÊN	500	540	270.000
4	CARBO THREEPHARCO	VIÊN	300	177	53.100
5	CEPHALEXIN	VIÊN	500	1.161	580.500
6	CETIRIZIN	VIÊN	300	412	123.600
7	CHLOPHENIRAMIN	VIÊN	2000	177	354.000
8	CIMEDINE	VIÊN	200	471	94.200
9	DAKINA (LINDAMYCIN)	VIÊN	200	9.416	1.883.200
10	CLOTRIMAZOL	TUYP	2	29.425	58.850
11	DEXTROMETHORPHAN	VIÊN	3000	471	1.413.000
12	ERYTHROMYCIN MKP	VIÊN	200	2.589	517.800
13	FERROVIT	VIÊN	200	647	129.400
14	FLUOCINONIDE OINTMENT(KEMCONEN	TUYP	2	17.655	35.310
15	KETOCONAZOLE	TUYP	2	7.062	14.124
16	CALCI D	VIÊN	300	471	141.300
17	NATRI CLORID 0.9% 10ML	LỌ	100	3.766	376.600
18	NATRI CLORID 0.9% DN	CHAI	10	8.239	82.390
19	TETRACYCLIN	TUYP	20	7.062	141.240
20	NIFEDIPIN STADA	VIÊN	100	458	45.800
21	OMEPRAZOLE	VIÊN	300	862	258.600
22	GAC Y TE BT <	GÓI	50	7.651	382.550
23	BANG CUON Y TE BT	CUỘN	30	1.883	56.490
24	BANG THUN 3 MOC BT	CUỘN	30	16.478	494.340
25	VITAMIN E	VIÊN	200	1.324	264.800
26	PARACETAMOL	VIÊN	2000	294	588.000
27	ORESOL	GÓI	20	1.295	25.900
28	SALYMET	TUYP	5	9.416	47.080
29	SPASDIPYRIN	VIÊN	180	981	176.580
30	URGO DURABLE	MIẾNG	2500	578	1.445.000
31	URGO SYVAL	CUỘN	25	13.860	346.500
32	VITAMIN A	VIÊN	200	471	94.200
33	VITAMIN AD	VIÊN	480	589	282.720
34	VITAMIN B6	VIÊN	500	471	235.500
35	VITAMIN C	VIÊN	3000	471	1.413.000
36	VITAMIN PP MKP	VIÊN	200	530	106.000
37	POVIDIN 10%	LỌ	30	7.062	211.860
38	CON 70 TRANG	LỌ	30	3.531	105.930
39	OXY GIA 60ML	LỌ	10	2.354	23.540

40	ALBENDAZOLE	VIÊN	500	5.885	2.942.500
41	KHAU TRANG 3 LOP	HỘP	20	70.620	1.412.400
42	AIR-X (MAU XANH)	VIÊN	200	1.295	259.000
43	ALAXAN	VIÊN	300	1.236	370.800
44	ALPHACHYMOTRYPSIN	VIÊN	2000	478	956.000
45	BISOLVON	VIÊN	90	2.943	264.870
46	CLORAXIN 0.4%	LỌ	20	6.229	124.580
47	DAU PHAT LINH TS	LỌ	40	10.358	414.320
48	EFFERALGAN	VIÊN	240	3.605	865.200
49	EUGICA	VIÊN	2500	706	1.765.000
50	TOPRALSIN	VIÊN	240	883	211.920
51	FARZINCOL 726	VIÊN	300	942	282.600
52	CALCIUM CORBIERE	ỐNG	210	5.336	1.120.560
53	GENTRISONE	TUYP	10	15.890	158.900
54	ACYCLOVIR STADA CR	TUYP	5	29.425	147.125
55	LORATADINE	VIÊN	400	412	164.800
56	MOBIC	VIÊN	40	12.359	494.360
57	DECONTRACTYL	VIÊN	240	1.153	276.720
58	PHOSPHALUGEL	GOI	130	4.980	647.400
59	MOTILIUM-M	VIÊN	100	2.589	258.900
60	BAR <	VIÊN	1200	432	518.400
61	PREDNISOLON	VIÊN	2000	471	942.000
62	RHINEX 0.05%	LỌ	20	6.238	124.760
63	ROVAMICIN	VIÊN	60	9.416	564.960
64	SALONPAS 6.5CMX4.2CM	MIẾNG	40	14.713	588.520
65	SALONSIP	MIẾNG	20	176.550	3.531.000
66	ANTIBIO PRO	GÓI	200	5.650	1.130.000
67	NO-SPA	VIÊN	100	1.177	117.700
68	SMECTA	GOI	90	4.500	405.000
69	FEXOSTAD	VIÊN	50	7.651	382.550
70	TIFFY DEY	VIÊN	1000	1.177	1.177.000
71	NEW AMEFLU DAY + C	VIÊN	500	1.356	678.000
72	BEZUT (VIEN NGAM)	VIÊN	500	2.330	1.165.000
73	TYROTAB	VIÊN	1200	471	565.200
74	UPSA-C	VIÊN	300	4.473	1.341.900
75	TANAKAN	VIÊN	90	5.222	469.980
76	MAGNESI-B6	VIÊN	500	259	129.500
77	VITAMIN B1-B6-B12 MKP	VIÊN	1000	550	550.000
78	CATAFLAM 25	VIÊN	100	4.739	473.900
79	PANADOL	VIÊN	600	971	582.600
80	THERALENE	VIÊN	120	544	65.280
81	DUPHALAC	GOI	40	5.850	234.000
	TỔNG SỐ TIỀN				42.784.509
	THUẾ GTGT 5%				2.139.225
	TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN				44.923.734

Giá trị hợp đồng: 44.923.734 (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng).

Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 7 ngày.

Nguồn: Tiền gửi khác (kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh sinh viên).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT, P.KHTC. /

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc